BỘ Y TẾ
VIỆN Y HỌC BIỂN

Số: 79 /TM-YHB

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hải Phòng, ngày 27 tháng 11 năm 2026

THƯ MỜI BÁO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Viện Y học biển có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu: Mua sắm vật tư tiêu hao, hóa chất xét nghiệm, sinh phẩm xét nghiệm năm 2026-2028 (Bổ sung) của Viện Y học biển với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Viện Y học biển

Số 21 đường Võ Nguyên Giáp, phường Lê Chân, thành phố Hải Phòng.

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá

- Bà Trần Thị Thu Trang - Phó trưởng khoa Dược
- Điện thoại: 0982.276559 hoặc 0225.3519687 (nhánh 411)

3. Cách thức tiếp nhận báo giá

- Nhận văn bản giấy trực tiếp tại địa chỉ: Văn thư, Viện Y học biển
- Hoặc gửi file trực tiếp qua Email: tms@vinimam.org.vn
- Hoặc gửi Online (qua website: muasamcong.mof.gov.vn)

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: 10 ngày kể từ thời điểm đăng tải báo giá.

- Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày ghi trong báo giá.

II. Nội dung yêu cầu báo giá

1. Danh mục yêu cầu báo giá: Chi tiết tại Phụ lục 1 đính kèm

2. Yêu cầu hồ sơ báo giá:

- Báo giá theo mẫu tại Phụ lục 2 đính kèm và phải được người có thẩm quyền pháp lý ký và đóng dấu.
- Catalog, tiêu chuẩn kỹ thuật chi tiết của hàng hoá (nếu có).

Lưu ý: Báo giá đã bao gồm thuế, phí lệ phí (nếu có), chi phí vận chuyển. Bên mua không phải trả bất kỳ một chi phí nào thêm.

Trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- TMS, P.QLCL (để đăng tải);
- Lưu: VT.

VIỆN TRƯỞNG

VIỆN Y HỌC BIỂN

VIỆN TRƯỞNG
TS.BSNT Nguyễn Bảo Nam

PHỤ LỤC 1: DANH MỤC HÀNG HOÁ

(Kèm theo Thư mời số 79 /TM-YHB ngày 27 tháng 11 năm 2026 của Viện Y học biển)

STT	Tên hàng hóa	Đặc điểm, thông số kỹ thuật hàng hoá	Đơn vị tính	Số lượng
1	Hóa chất ly giải dùng để đếm bạch cầu xét nghiệm huyết học	Thành phần chính bao gồm: Chất hoạt động bề mặt, chất đệm, chất kháng khuẩn. Tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình nhuộm acid nucleic cho các tế bào có nhân bằng cách ly giải tế bào hồng cầu và xử lý tế bào bạch cầu tới một mức độ nhất định, tạo điều kiện thuận lợi cho phân biệt tế bào bạch cầu.	Chai	40
2	Hóa chất ly giải trong xét nghiệm huyết sắc tố xét nghiệm huyết học	Thành phần chính bao gồm: Chất hoạt động bề mặt, chất đệm, chất kháng khuẩn. Hỗ trợ đo nồng độ hemoglobin và đếm tổng số tế bào bạch cầu bằng cách ly giải tế bào hồng cầu và kết hợp với hemoglobin được giải phóng tạo thành một phức hợp ổn định.	Chai	26
3	Hóa chất nhuộm các tế bào bạch cầu xét nghiệm huyết học	Thành phần chính bao gồm: Chất nhuộm huỳnh quang nucleic acid, isopropanol và ethylene glycol. Dùng kết hợp với chất ly giải để thực hiện phân biệt tế bào bạch cầu bằng cách ly giải tế bào hồng cầu, thay đổi hình thái của bạch cầu và nhuộm acid nucleic.	Lọ	24
4	Hóa chất pha loãng mẫu trong xét nghiệm huyết học	Thành phần chính bao gồm: Sodium chloride, sodium sulfate Sử dụng để làm loãng máu và tạo dòng vỏ bọc, cung cấp một môi trường ổn định để thực hiện đếm tế bào máu.	Hộp	59
5	Hóa chất rửa trong xét nghiệm huyết học	Thành phần chính bao gồm: Tween 20; Sodium hypochlorite; Sodium hydroxide Có tác dụng làm sạch hiệu quả các vết protein và các hạt tiểu phân khác có thể ảnh hưởng đến việc đếm tế bào máu.	Hộp	42
6	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm huyết học thấp	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm 33 thông số huyết học mức thấp. Sử dụng để theo dõi độ chính xác và độ lặp lại của kết quả xét nghiệm.	Lọ	31
7	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm huyết học mức trung bình	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm 33 thông số huyết học mức trung bình. Sử dụng để theo dõi độ chính xác và độ lặp lại của kết quả xét nghiệm.	Lọ	31
8	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm huyết học mức cao	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm 33 thông số huyết học mức cao. Sử dụng để theo dõi độ chính xác và độ lặp lại của kết quả xét nghiệm.	Lọ	31
9	Hóa chất hiệu chuẩn xét nghiệm 6 thông số huyết học	Hóa chất dùng để hiệu chuẩn xét nghiệm các thông số WBC, RBC, HGB, MCV, HCT và PLT.	Lọ	4
10	Wash Solution	1. Mục đích sử dụng: Chỉ dùng cho chẩn đoán in vitro: Sản phẩm này là một loại thuốc thử phổ biến sử dụng để rửa LUMIPULSE G System. 2. Vật liệu được cung cấp: Chứa 342 mM NaCl trong dung dịch đệm Tris có chứa chất tẩy rửa. Chất bảo quản: natri azid. 3. Tiêu chuẩn đóng gói: 1 × 1000 mL	Hộp	21

STT	Tên hàng hóa	Đặc điểm, thông số kỹ thuật hàng hoá	Đơn vị tính	Số lượng
11	Lumipulse G HBsAg Immunoreaction Cartridges	1. Mục đích sử dụng: Sử dụng cho chẩn đoán in vitro với để phát hiện định tính kháng nguyên bề mặt kháng vi rút viêm gan B (HBsAg) trong huyết tương hoặc huyết thanh người. Sản phẩm này được chỉ định như là một sản phẩm hỗ trợ cho việc sàng lọc và chẩn đoán nhiễm vi rút viêm gan B 2. Vật liệu được cung cấp: - Dung dịch Hạt Phủ Kháng thể: Chứa các hạt phủ kháng thể anti-HBs. Dung dịch này chứa gelatin. Chất bảo quản: natri azid. - Dung dịch Kháng thể Đánh dấu Enzym: Chứa kháng thể anti-HBs (chuột) đánh dấu phosphatase kiềm (ALP: bê). Chất bảo quản: natri azid. 3. Đặc tính công năng: độ nhiễu trung bình ≤ 10%	Hộp	78
12	Chất kiểm soát xét nghiệm định tính và định lượng 8 tác nhân gây bệnh truyền nhiễm	- Dạng lỏng - Được thiết kế để kiểm soát chất lượng các xét nghiệm Lumipulse G sau đây: HBsAb, HCVAb, HIV Ag/Ab	Hộp	4
13	Chất kiểm chuẩn HBsAg	1. Vật liệu kiểm soát xét nghiệm định tính kháng nguyên bề mặt viêm gan B (HBsAg) 2. Dạng lỏng gồm 2x3 nồng độ Level 1 (2x2,5mL) Level 2 (2x2,5mL) Level 3 (2x2,5mL)	Hộp	2
14	Lumipulse G Specimen Diluent 1	1. Mục đích sử dụng: Chỉ dùng cho chẩn đoán in vitro: Sản phẩm này là một loại thuốc thử phổ biến được dùng để pha loãng mẫu 2. Vật liệu được cung cấp: Chứa 0,15 M NaCl trong dung dịch đệm Tris có protein (bò) và chất ổn định hoá học. Chất bảo quản: natri azid 3. Tiêu chuẩn đóng gói: 4×300mL	Hộp	2
15	Lumipulse G Substrate Solution	1. Mục đích sử dụng: Chỉ dùng cho chẩn đoán in vitro: Sản phẩm này là một loại thuốc thử phổ biến được dùng cho phản ứng enzym trong LUMIPULSE G System. 2. Vật liệu được cung cấp: Chứa 0,2 mg/mL AMPPD là một chất nền trong dung dịch đệm diethanolamine với chất ổn định hóa học. Chất bảo quản: natri azid. 3. Tiêu chuẩn đóng gói: 6 × 100 mL	Hộp	5
16	Đầu côn hút mẫu bệnh phẩm cho hệ thống Lumipulse	Đầu côn hút mẫu bệnh phẩm cho hệ thống LUMIPULSE Quy cách đóng gói: 12x96	Hộp	10
17	Môi trường nuôi cấy vi sinh vật	Đĩa thạch đổ sẵn chứa môi trường sử dụng để nuôi cấy và thử tính chất tan máu của các loại vi sinh vật khó tính và không khó tính, không chứa các chất phụ gia hay chất bảo quản. Đáp ứng: "Yêu cầu kiểm soát chất lượng tối thiểu cho nhà sản xuất đối với môi trường nuôi cấy đổ sẵn", theo tiêu chuẩn của CLSI. Đĩa 90mm. Bao gói bằng màng bán thấm Cellophane có tính năng chống ẩm giúp đảm bảo chất lượng trong quá trình bảo quản, dễ dàng phân huỷ bảo vệ môi trường. Thành phần: Special peptone, Starch, Sodium chloride, Defibrinated Sheep blood, Agar, pH: 7.3±0.2 ở 25°C Đóng gói: 10 đĩa/Hộp	Hộp	52

STT	Tên hàng hóa	Đặc điểm, thông số kỹ thuật hàng hoá	Đơn vị tính	Số lượng
18	Môi trường tăng sinh và nuôi cấy vi sinh vật	Ống nhựa chứa 5ml môi trường dạng lỏng có kháng sinh dùng để tăng sinh chọn lọc cho liên cầu, đặc biệt là liên cầu nhóm B (GBS) Thành phần: Infusion from 450 g fat-free minced meat, Tryptone, Glucose, Sodium bicarbonate, Sodium chloride, Disodium phosphate, Nalidixic acid, Colistin sulfate, pH: 7.8±0.2 ở 25°C Đóng gói: hộp 10 ống	Hộp	104
19	Môi trường nuôi cấy vi sinh vật	Đĩa thạch đổ sẵn chứa môi trường có pH thấp thường dùng để nuôi cấy và phân biệt các loại nấm khác nhau, nấm mốc, nấm men. Đĩa 90mm. Bao gói bằng màng bán thấm Cellophane có tính năng chống ẩm giúp đảm bảo chất lượng trong quá trình bảo quản, dễ dàng phân huỷ bảo vệ môi trường. Thành phần: Mycological peptone, Glucose (dextrose), Agar, pH: 5.6 ± 0.2 ở 25°C Đóng gói: 10 đĩa/Hộp	Hộp	63
20	Môi trường nuôi cấy vi sinh vật	Đĩa thạch đổ sẵn chứa môi trường giàu dinh dưỡng thích hợp để nuôi cấy hầu hết các loại vi khuẩn mà không có sự yêu cầu đặc biệt nào tới sinh trưởng của chúng. Đĩa 90mm. Bao gói bằng màng bán thấm Cellophane có tính năng chống ẩm giúp đảm bảo chất lượng trong quá trình bảo quản, dễ dàng phân huỷ bảo vệ môi trường. Thành phần: Peptone ,Beef Extract, Yeast Extract , Sodium chloride, Agar, pH 7.3 ± 0.2 ở 25°C Đóng gói: 10 đĩa/Hộp	Hộp	63
21	Dung dịch kiểm tra chất lượng máy dùng cho máy xét nghiệm miễn dịch	Thành phần: - BSA: 10 mg/mL -ABEI (N-(4-Aminobutyl)-N-ethylisoluminol): 0.77 mg/mL	Hộp	4
22	Hóa chất kiểm chuẩn mức 3	Hóa chất kiểm chuẩn mức 3 cho pH, khí máu, điện giải, Co-ox và các chất chuyển hóa trên hệ thống. Bao gồm bộ đệm Bicarbonate, Ca, Na, K, Cl, Carbon Dioxide, Oxygen, Nitơ, Glycose, Lactate, Thuốc nhuộm. Bảo quản ở nhiệt độ 18-25°C, tránh ánh nắng trực tiếp. Quy cách đóng gói: 30 x 2.5ml ampules/ Hộp (30 lọ/ Hộp) Đạt tiêu chuẩn ISO13485	Hộp	2
23	Dãy Strip 8 ống 0.1ml kèm nắp	Chất liệu: polypropylene - Dạng ống 0.1ml thấp giảm không gian chết và tăng hiệu suất PCR - Không chứa DNase, RNase, PCR inhibition - Nắp trong phẳng, thân đục - Tương thích với nhiều dòng máy realtime PCR CFX96, ABI7500 FAST,... Hộp 120 strip (960 ống)	Hộp	1
24	Bộ tách chiết DNA của tác nhân gây bệnh	- Dạng: cột tách chiết - Mẫu đầu vào: Máu toàn phần, huyết tương, huyết thanh, dịch não tủy (CSF), nước tiểu, đờm, dịch rửa phế quản (BAL), dịch hút, mẫu tinh trùng, bọ ve, nước bọt, mẫu phết - Chứng nhận: CE IVD - Thể tích mẫu tách: lên đến 200 µl - Lượng thu được trung bình: 4-6 µg	Hộp	20

STT	Tên hàng hóa	Đặc điểm, thông số kỹ thuật hàng hoá	Đơn vị tính	Số lượng
25	Bộ xét nghiệm định tính Mycobacterium tuberculosis	- Kỹ thuật: Real-time PCR - Phương pháp phân tích: định tính - Trình tự đích: trình tự chèn đa bản sao đặc hiệu IS6110 và trình tự của protein sinh miễn dịch MPB64 - Độ đặc hiệu phân tích: hệ các Mycobacterium tuberculosis (M. tuberculosis, M. africanum, M. bovis, M. microti, M. canettii, M. pinnipedi, M. caprae, M. orygis, M. mungi và chủng vaccine Bacillus Calmette–Guérin, BCG), 100% - Độ nhạy phân tích (Giới hạn phát hiện LoD): 0.09 cp/µl với xác suất 95% - Mẫu đầu vào: Đờm, BAL, mẫu phết, nước tiểu, CSF, huyết tương, mẫu phân - Chứng nhận: CE-IVD; ISO 13485	Hộp	32
26	Bộ xét nghiệm định tính Neisseria gonorrhoeae	-Kỹ thuật: Real-time PCR - Phương pháp phân tích: định tính -Trình tự đích: trình tự đa bản sao của gen mã hóa 16S rRNA và porA pseudogene - Tính đặc hiệu: N. gonorhoeae, bao gồm cả đột biến trong porA pseudogene, 100% - Độ nhạy (LoD): đạt tới 0.109 cp/µl với xác suất 95% - Mẫu đầu vào: tinh trùng, mẫu phết, nước tiểu - Chứng nhận: CE-IVD; ISO 13485	Hộp	4
27	Calibration Packs	- Tính năng: dùng để hiệu chuẩn các thông số Natri, Kali, Clorua, Canxi, PH. - Thành phần: Standard A350ml , Standard B 100ml, Standard C 130ml, Dung dịch tham chiếu 230ml. - Giá trị tham chiếu: • Na^+: 141–155 mmol/L • K^+: 3.6–5.5 mmol/L • Cl^-: 97–111 mmol/L • Ca^{2+}: 1.05–1.35 mmol/L - Nguyên lý: Dùng Multi-sensor đa cảm biến. - Nhiệt độ bảo quản: 2-40°C Quy cách: ≤ 810ml/ hộp	Hộp	78
28	Electrolyte Control	- Tinh năng dùng kiểm soát chất lượng xét nghiệm K+, Na+, Cl-, Ca2+, pH. - Thành phần chính: Natri Clorua, Kali Clorua, Natri Acetat, Canxi Clorua, Axit aminoacetic, chất đệm, chất bảo quản. - Quy cách: ≤ 30ml/ Hộp.	Hộp	21
29	Electrolyte Calibration QCB-5	- Chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm điện giải K+, Na+, Cl-, Ca2 +, pH. - Thành phần chính: Natri Clorua, Muriate, Natri Acetate, Canxi Clorua, Glycine, chất đệm, sát trùng. - Quy cách: ≤ 24ml/ Hộp. - Nhiệt độ bảo quản: 2-40°C	Hộp	21
30	Detergent	- Tính năng dùng để làm sạch hệ thống máy phân tích điện giải. - Thành phần chính: + EZ- Cleaner A: Muối vô cơ. + EZ- Cleaner B: Pepsin. Nhiệt độ bảo quản: 2-8°C sau khi pha.	Hộp	21

STT	Tên hàng hóa	Đặc điểm, thông số kỹ thuật hàng hoá	Đơn vị tính	Số lượng
31	Thẻ xét nghiệm định tính kháng nguyên của hệ ABO và Rh (D)	Gel card ≥ 8 giếng, ≥ 1 test/card, thẻ dùng để xác định các kháng nguyên của hệ ABO và Rh (D) cũng như nhóm ABO chiều ngược, trong kỹ thuật gel. Thành phần tối thiểu gồm: Anti A; Anti B; Anti AB; Anti D không có khả năng phát hiện biến thể D; Anti D có khả năng phát hiện biến thể D; vi ống kiểm soát (dung dịch có chất đệm không có kháng thể); dung dịch có chất đệm không có kháng thể (xét nghiệm nhóm ABO chiều ngược) (x2). Xét nghiệm được thực hiện thủ công hoặc trên máy phân tích nhóm máu tự động. Độ nhạy: tối thiểu từ 99,7 %, độ đặc hiệu: 100% Bảo quản: 2 đến 25 độ C Đóng gói: 50 card/hộp () Chứng nhận chất lượng ISO (13485)	Hộp	13
32	Thẻ xét nghiệm xác định kháng thể của hệ ABO, kháng thể bất thường, hòa hợp truyền máu, kháng nguyên hồng cầu và kiểm soát xét nghiệm định nhóm máu	Thuốc thử để pha hỗn dịch tế bào hồng cầu và dịch pha loãng huyết tương / huyết thanh được sử dụng trong kỹ thuật gel. Xét nghiệm được thực hiện thủ công hoặc trên máy phân tích nhóm máu tự động. Thành phần tối thiểu: gồm glycin và glucose; cloramphenicol và neomycin sulfat làm chất bảo quản. Bảo quản: 2 đến 8 độ C Đóng gói: 200 mL () Chứng nhận ISO (13485)	Hộp	6
33	Dung dịch pha loãng mẫu dùng cho xét nghiệm phân tích nhóm máu	Gel card ≥ 8 giếng, thẻ được sử dụng cho các xét nghiệm trong môi trường muối và enzym, đồng thời dùng làm vi ống kiểm soát trong kỹ thuật gel. Các xét nghiệm kỹ thuật nước muối và enzym bao gồm: sàng lọc và xác định kháng thể bất thường, phản ứng chéo, tự kiểm soát, định loại tế bào hồng cầu và xác định nhóm ABO chiều ngược. Xét nghiệm được thực hiện thủ công hoặc trên máy phân tích nhóm máu tự động. Thành phần tối thiểu: gồm dung dịch có chất đệm không có kháng thể (vi ống neutral). Bảo quản: 2 đến 25 độ C Đóng gói: ≥ 50 card/hộp Chứng nhận chất lượng ISO (13485)	Hộp	6
34	Thuốc thử xét nghiệm định tính kháng thể của hệ ABO	Gel card ≥ 8 giếng, thẻ được dùng trong Xét nghiệm kháng globulin trực tiếp và gián tiếp trên các mẫu máu người trong kỹ thuật gel. Các xét nghiệm bao gồm sàng lọc và xác định các kháng thể bất thường, phản ứng chéo, tự kiểm soát và phân loại tế bào hồng cầu. Thành phần tối thiểu: dung dịch với cường độ i-ôn thấp có chất đệm (LISS) với kháng globulin người; hỗn hợp kháng thể kháng IgG đa dòng và kháng thể kháng C3d đơn dòng. Xét nghiệm được thực hiện thủ công hoặc trên máy phân tích nhóm máu tự động. Bảo quản: 2 đến 25 độ C Đóng gói: ≥ 50 card/hộp Chứng nhận chất lượng ISO (13485)	Hộp	8
35	Thuốc thử xét nghiệm định tính kháng thể bất thường (sàng lọc)	Hồng cầu mẫu được sử dụng để xác định nhóm ABO chiều ngược trong kỹ thuật gel. Xét nghiệm được thực hiện thủ công hoặc trên máy phân tích nhóm máu tự động. Thành phần tối thiểu: gồm hỗn dịch 0,8% sẵn sàng sử dụng từ các tế bào hồng cầu người thuộc nhóm máu A1, B; các tế bào ở trong dung dịch có chất đệm và chất bảo quản (neomycin, cloramphenicol).Bảo quản: 2 đến 8 độ CĐóng gói: 20 mL (hoặc tương đương)Chứng nhận chất lượng: ISO (13485).	Hộp	8
36	Ống ly tâm Falcon 15ml đáy nhọn, tiệt trùng từng chiếc.	Chất liệu nhựa PP, nắp nhựa PE, dung tích 15ml. Đóng gói riêng từng chiếc, tiệt trùng. Được sử dụng cùng với máy ly tâm để tách thuốc thử, tách chất rắn ra khỏi chất lỏng và chất rắn lắng đọng ở phần dưới của ống ly tâm. Chịu được lực ly tâm 6000 vòng/phút.	Cái	2.000

STT	Tên hàng hóa	Đặc điểm, thông số kỹ thuật hàng hoá	Đơn vị tính	Số lượng
37	Thuốc thử xét nghiệm định lượng APTT	Thuốc thử APTT Liquid Kit Hiệu suất: Tính lặp lại: Hệ số biến thiên (CV) của kết quả xét nghiệm lặp lại với mẫu huyết tương kiểm soát không nên vượt quá 5% Thành phần chính: R1: 0.05% Ellagic acid, 0.2% cephalin, 0.2% sodium chloride, 0.1% Sodium benzoate R2: 0.3% calcium chloride, 0.1% Sodium benzoate Sản phẩm có xuất xứ thuộc các nước G7 Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485:2016	Hộp	22
38	Thuốc thử xét nghiệm định lượng PT	Thuốc thử PT Liquid Kit Thời gian prothrombin (PTR) = thời gian đông máu của huyết tương thử nghiệm / thời gian đông máu của huyết tương đối chứng. Giá trị tham chiếu: PT 10-14 giây, PTR: 1.0 ± 0.15; INR: 0.8-1.24 Thành phần chính: 1.4% calcium chloride, 0.1% Sodium benzoate, 2.5% aminoacetic acid, 0.15% sodium chloride, 2.5% rabbit brain powder Sản phẩm có xuất xứ thuộc các nước G7 Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485:2016	Hộp	22
39	Thuốc thử xét nghiệm định lượng fibrinogen	Thuốc thử FIB Liquid Kit Giá trị tham khảo Fibrinogen: 2.0-4.0 g/L Giá trị dự kiến: Phương pháp Clauss Fibrinogen (mg/dL) 150 - 400 Thành phần chính: R1: 1% thrombin, 0.1% Sodium benzoate, 1% aminoacetic acid, 1.3% sodium chloride, 0.05% Tris R2: 0.68% imidazole, 0.5% sodium chloride, 0.3% hydrochloric acid Sản phẩm có xuất xứ thuộc các nước G7 Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485:2016	Hộp	28
40	Vật liệu kiểm soát chất lượng xét nghiệm định lượng PT, APTT, TT, FIB mức trung bình	Vật liệu kiểm soát NCP Giá trị tham chiếu: - PT 10-14s; - APTT: 26-36s; - FIB: 2-4g/L; -TT: 8-14s. Thành phần chính: Bovine plasma Sodium citrate anticoagulant <0.4% Sản phẩm có xuất xứ thuộc các nước G7 Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485:2016	Hộp	24
41	Vật liệu kiểm soát chất lượng xét nghiệm định lượng PT, APTT, TT, FIB mức cao	Vật liệu kiểm soát aNCP Giá trị tham chiếu: - PT: 25-38 giây; - APTT: 45-65s; - FIB: 1-2g/L Thành phần chinh: Bovine plasma Sodium citrate anticoagulant <0.4% Sản phẩm có xuất xứ thuộc các nước G7 Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485:2016	Hộp	24

STT	Tên hàng hóa	Đặc điểm, thông số kỹ thuật hàng hoá	Đơn vị tính	Số lượng
42	Hoá chất dùng cho máy phân tích đông máu	Thuốc thử Cleaning solution Thành phần chính: Sodium Hypochlorite Tính chất vật lý: chất lỏng màu vàng nhạt. Sản phẩm có xuất xứ thuộc các nước G7 Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485:2016	Chai	28
43	IVD làm sạch và bảo trì máy phân tích huyết học	Hoá chất rửa Pro-Clean Thành phần chính: Sodium hypochlorite < 8.0% Sodium hydrate < 2.0% Giới hạn: Thuốc thử phải được sử dụng trong phạm vi nhiệt độ môi trường là 15-35 độ C. Sản phẩm có xuất xứ thuộc các nước G7 Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485:2016	Lọ	28
44	Vật tư dùng cho máy xét nghiệm	Cóng đựng mẫu bệnh phẩm Testing cuvette Kích thước: 6mmx25mm Dung tích: 500µl Màu sắc: Trong suốt Loại nhựa: PS Lưu trữ: 4-30oC Sản phẩm có xuất xứ thuộc các nước G7 Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485:2016	Chiếc	24.000
45	Thuốc thử xét nghiệm định lượng D-Dimer	Thuốc thử D-Dimer liquid kit Thành phần chính: Kit thuốc thử gồm các thành phần R1 (chất đệm), R2 (Latex), chất hiệu chuẩn và vật liệu kiểm soát mức 1, mức 2. Thuốc thử latex: chủ yếu gồm huyền phù các hạt polystyrene latex tăng cường, được phủ bằng kháng thể đơn dòng chuột (nồng độ 12 mmol/L, bao gồm 5% dung dịch latex gốc và 0,5% kháng thể đơn dòng kháng D-dimer người), 0,25% whey albumin, 0,58% natri clorid, 0,1214% Tris và 0,05% natri benzoat (nồng độ 0,01 mmol/L); dung dịch đệm chủ yếu gồm 0,289%trihydroxymethylaminomethane (nồng độ 30 mmol/L), 1% polyvinyl alcohol, 0,05% Tween-20 và 0,1% natri benzoat. Giá trị pH của dung dịch đệm là 7,5 ± 0,3. Vật liệu kiểm soát: 100% huyết tương 100%; Chuẩn hiệu chuẩn: 100% huyết tương Sản phẩm có xuất xứ thuộc các nước G7 Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485:2016	Hộp	4
46	Vật liệu kiểm soát chất lượng xét nghiệm định lượng D-Dimer	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm định lượng D-Dimer Sản phẩm có xuất xứ thuộc các nước G7 Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485:2016	Lọ	4
47	Chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm định lượng D-Dimer	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng D-Dimer Sản phẩm có xuất xứ thuộc các nước G7 Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485:2016	Lọ	2
48	Thuốc thử xét nghiệm định lượng CRP	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng CRP độ nhạy cao; Thành phần: Glycine buffer 100 mmol/L; Latex, phủ kháng thể kháng CRP < 0,5% w/v; Phương pháp: Miễn dịch đo độ đục; Dải tuyến tính: Ứng dụng bình thường: 0,2–480 mg/L, Ứng dụng độ nhạy cao: 0,08–80 mg/L; Loại mẫu: Huyết thanh, huyết tương; Độ lặp lại: CV ≤ 6%; Độ chụm toàn phần: CV ≤ 10%; Số lượng test tối thiểu/1 mL: 3 test	Hộp	20
49	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng CRP	Hoá chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm CRP thường; Thành phần: Chất nền huyết thanh người dạng lỏng có chứa CRP người; Chất hiệu chuẩn gồm mức 2 đến mức 6; Các giá trị được gán theo tiêu chuẩn IFCC bằng phương pháp miễn dịch đo độ đục	Hộp	3

STT	Tên hàng hóa	Đặc điểm, thông số kỹ thuật hàng hoá	Đơn vị tính	Số lượng
50	Vật liệu kiểm soát mức 1 xét nghiệm định lượng các thông số hóa sinh	Hoá chất kiểm chứng mức 1 cho các xét nghiệm đo độ đục miễn dịch; Thành phần: Huyết thanh người chứa α-1 acidglycoprotein; Ferritin;α-1 antitrypsin; Haptoglobin; Anti-Streptolysin O; β-2 microglobulin; Globulin miễn dịch A; Globulin miễn dịch M; Globulin miễn dịch G; Ceruloplasmin; Bổ thể 3 (C3); Prealbumin; Bổ thể 4 (C4); Yếu tố dạng thấp; Protein phản ứng C (CRP); Transferrin	Lọ	4
51	Vật liệu kiểm soát mức 2 xét nghiệm định lượng các thông số hóa sinh	Hoá chất kiểm chứng mức 2 cho các xét nghiệm đo độ đục miễn dịch; Thành phần: Huyết thanh người chứa α-1 acidglycoprotein; Ferritin;α-1 antitrypsin; Haptoglobin; Anti-Streptolysin O; β-2 microglobulin; Globulin miễn dịch A; Globulin miễn dịch M; Globulin miễn dịch G; Ceruloplasmin; Bổ thể 3 (C3); Prealbumin; Bổ thể 4 (C4); Yếu tố dạng thấp; Protein phản ứng C (CRP); Transferrin	Lọ	4
52	Vật liệu kiểm soát mức 3 xét nghiệm định lượng các thông số hóa sinh	Hoá chất kiểm chứng mức 3 cho các xét nghiệm đo độ đục miễn dịch; Thành phần: Huyết thanh người chứa α-1 acidglycoprotein; Ferritin;α-1 antitrypsin; Haptoglobin; Anti-Streptolysin O; β-2 microglobulin; Globulin miễn dịch A; Globulin miễn dịch M; Globulin miễn dịch G; Ceruloplasmin; Bổ thể 3 (C3); Prealbumin; Bổ thể 4 (C4); Yếu tố dạng thấp; Protein phản ứng C (CRP); Transferrin	Lọ	4
53	Chất hiệu chuẩn xét nghiệm định lượng CRP	Chất hiệu chuẩn cho xét nghiệm CRP độ nhạy cao; Thành phần: Chất nền huyết thanh người dạng lỏng có chứa CRP người; Chất hiệu chuẩn gồm mức 2 đến mức 6; Các giá trị được gán theo tiêu chuẩn IFCC bằng phương pháp miễn dịch đo độ đục	Hộp	3

Tổng số: 53 danh mục hàng hóa.

Ghi chú : Giá trên đã bao gồm thuế, chi phí vận chuyển đến kho của Viện và các chi phí khác liên quan.

PHỤ LỤC 2: BÁO GIÁ

(Kèm theo Thư mời số 479 /TM-YHB ngày 27 tháng 11 năm 2026 của Viện Y học biển)

TÊN NHÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ:
Số:.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Kính gửi: Viện Y học biển

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của Viện Y học biển, chúng tôi....*[ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh]* báo giá cho các sản phẩm như sau:

1. Báo giá cho các sản phẩm và dịch vụ liên quan:

STT	Danh mục hàng hoá	Tên thương mại của sản phẩm báo giá	Ký mã hiệu sản phẩm	Thông số kỹ thuật chi tiết	Phân loại TTBYT	Số lưu hành	Mã HS	Hãng sản xuất	Nước sản xuất	Quy cách đóng gói	Số lượng	Đơn vị tính	Đơn giá đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)
1	Sản phẩm A													
2	Sản phẩm B													
n	…													

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của hàng hoá)

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ≥ 90 ngày kể từ ngày ký.

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
- Giá trị của các hàng hoá nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

….., ngày…. tháng….năm….

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp
(Ký tên, đóng dấu (nếu có))